TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị T và anh S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST- HNGĐ ngày 28/4/2020 về việc "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 07/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T , sinh năm 1984; cư trú tại: Khu 1, ấp LS, xã LS, huyện TT, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. "vắng mặt"

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đức S, sinh năm 1979; cư trú tại: Xóm 3, thôn An Chạch, HA, huyện HH, tỉnh Nam Định. "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17 tháng 4 năm 2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Vũ Đức S đăng ký kết hôn ngày 14/9/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã có

02 con chung nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh S thường xuyên đi qua đêm, không có trách nhiệm với gia đình, chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng đều không đạt hiệu quả, cuộc sống chung nặng nề nên vợ chồng đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ trách nhiệm, tình cảm từ năm 2016 cho đến nay. Nay xác định cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T làm đơn xin ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Vũ Ngọc Phượng V, sinh ngày 07/7/2011 và cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 20/11/2016, hiện cả hai con đang sống cùng chị T. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T khai nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay điều kiện công việc không đến Tòa án làm việc được nên chị Trần Thị Thắm giữ nguyên lời khai ở trên, đề nghị được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

* Sau khi thụ lý vụ án, theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 20120 và các văn bản tố tụng khác cho anh S nhận. Theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh S phải nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Trong trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi Tòa án nói rõ lý do để Tòa án xem xét. Hết thời hạn theo luật định anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, việc thụ lý, giải quyết, thu thập tài liệu chứng cứ, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và ạnh Vũ Đức S.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Vũ Ngọc Phượng V, sinh ngày 07/7/2011 và cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 20/11/2016 cho chị Trần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản, công nợ chung: Các đương sự không kê khai, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên toà: chị Trần Thị T có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án; Bị đơn – anh Vũ Đức S vắng mặt lần hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Thị T vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn – anh Vũ Đức S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Đức S trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hải An, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tổ chức đăng kí kết hôn ngày 14 tháng 9 năm 2005 là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Đức S là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thật sự tin tưởng và cảm thông chia sẻ với nhau, tính tình và quan điểm sống khác nhau, anh S không có trách nhiệm với gia đình, tình cảm ngày càng lạnh nhạt nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã sâu sắc, vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T đối với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc Phượng V, sinh ngày 07/7/2011 và cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 20/11/2016 từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai cháu sống cùng chị T. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, anh S không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các đương sự và nguyện vọng của con thì thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là mong muốn chính đáng của cha mẹ, từ khi vợ chồng ly thân vào năm 2016 cho đến nay cả hai con chung sống cùng chị T và các con vẫn phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, anh S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, hiện nay không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến vê việc nuôi con chung, hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh S như thế nào Hội đồng xét xử không được biết, con chung là cháu Phượng V trên bảy tuổi khai nhận từ khi bố mẹ ly thân, cháu sống cùng chị T và nay cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, vì vậy cần tiếp tục giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng và chấp nhận ý kiến tự nguyện của chị Trần Thị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Đương sự không kê khai, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị T là nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Đức S.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Phượng V, sinh ngày 07/7/2011 và cháu Vũ Thị Ngọc H, sinh ngày 20/11/2016 cho chị Trần Thị T nuoi dưỡng trực tiếp đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Vũ Đức S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T mà được quyền và có nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu V và cháu Hân đang ở cùng chị T.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/000 2069 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã HA: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng